**BÀI 31: AN ĂN ÂN (2 tiết)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức:** Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng vần an, ăn, ân; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có vần an, ăn, ân; hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng vần an, ân, ăn; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần an, ăn, ân.

**2. Phẩm chất:**

**-** Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần an, ăn, ân có trong bài học.

- Phát triển kỹ năng nói lời xin lỗi (trong tình huống cụ thể ở trường học).

- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật (các bạn học sinh trong cùng lớp) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ (tình huống các bạn giẫm phải chân nhau khi xếp hàng vào lớp, cần nói lời xin lỗi)

**3. Phẩm chất:**

**-** Biết nói lời xin lỗi. Yêu thích môn học.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**1. Kiến thức Tiếng Việt**

- Nắm vững đặc điểm phát âm; cấu tạo, và cách viết các vần an, ăn, ăn.

- Hiểu rõ nghĩa của một số từ ngữ trong bài học, như: bạn thân, khăn rằn, tha thẩn. Bạn thân: người luôn gần gũi với mình, mong muốn điều tốt đẹp với mình, giúp đỡ mình khi khó khăn. Khăn rằn: Loại khăn quen thuộc của người dân Nam Bộ, thường có hai màu đen và trắng hoặc nàu và trắng. Tha thẩn: thong thả và lặng lẽ đi từ chỗ này sang chỗ khác, không chú ý điều gì.

**2. Chuẩn bị về phương tiện:**

- GV: Bài giảng điện tử, chữ mẫu.

- HS: Bộ đồ dùng TV.

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Ôn và khởi động: 2-3’**- HS hát - Đọc lại bài 30**2. Nhận biết: 3-4’**- HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: + Em thấy gì trong tranh? - Thuyết minh nội dung tranh.- Giới thiệu câu: Ngựa vằn/ và hươu cao cổ/ là đôi bạn thân.- Đọc mẫu, hướng dẫn đọc từng cụm từ.- Giới thiệu vần mới an, ăn, ân. Viết tên bài lên bảng.**3, Đọc vần, tiếng, từ ngữ: 16-18’****a. Đọc vần**+ So sánh các vần.- Giới thiệu vần *an, ăn, ân*.- Yêu cầu các em phân tích lần lượt ba vần.- Yêu cầu so sánh ba vần.- Chốt: Giống nhau cả ba vần đều có 2 âm, có âm n đứng sau. Khác nhau âm đứng trước.+ Đánh vần các vần.- Đánh vần mẫu các vần: *an, ăn, ân*.+ Đọc trơn các vần.*-* Yêu cầu HS đọc trơn các vần.+ Ghép chữ cái tạo vần.- Yêu cầu cài vần *ăn***.**- Yêu cầu cài vần *ân* (bằng cách nhanh nhất)- Yêu cầu cài vần *an* (bằng cách nhanh nhất)**b. Đọc tiếng**- Yêu cầu HS cài tiếng bạn- Yêu cầu HS nêu cách ghép- Phân tích tiếng bạn?- Giới thiệu mô hình tiếng bạn, trên màn hình.- Đọc đánh vần mẫu.- Đọc trơn tiếng bạn- Đưa các tiếng trên màn hình: bàn, nhãn, gắn lặn, bận, gần- Yêu cầu HS đọc đánh vần.- Yêu cầu HS đọc đọc trơn.- Các tiếng em vừa đọc có âm cuối nào?- Các vần có âm n đứng sau kết hợp 6 dấu thanh.- Yêu cầu HS các tiếng trên thanh cài.- Nhận xét tuyên dương.**c. Đọc từ ngữ:**+ Từ: bạn thân**-** Đưa ảnh**,** ảnh chụp gì?**-** Đưa từ: *bạn thân*- Giải nghĩa: Bạn thân: người luôn gần gũi với mình, mong muốn điều tốt đẹp với mình, giúp đỡ mình khi khó khăn.- Trong từ bạn thân tiếng nào có chứa vần mới?- Yêu cầu đọc đánh vần tiếng bạn, thân, đọc trơn từ bạn thân+ Từ: *khăn rằn, quả mận***-** Tiến hành tương tự như từ bạn thân.**-** Hướng dẫn đọc từ: Đọc liền các tiếng trong từ.**-** Yêu cầu đọc nối tiếp từ.**d. Đọc lại vần - tiếng - từ**- Yêu cầu đọc cá nhân, đọc đồng thanh.- Nhận xét tuyên dương.**4. Viết bảng: 9-10’****+** Hướng dẫn viết *an, ăn, ân***-** Hướng dẫn quy trình viết chữ ghi các vần: an*+* Chữ an gồm mấy con chữ? nêu độ cao các con chữ? Khoảng cách giữa các con chữ?- Nêu quy trình viết và viết mẫu.- Có chữ an, muốn ghi chữ ăn làm thế nào?**-** Tương tự như vậy cô muốn chữ ghi vần ân thêm dấu gì?- Yêu cầu HS viết *an, ăn, ân*- Nhận xét.**+** Hướng dẫn viết chữ: bạn thân, khăn rằn**-** Hướng dẫn quy trình viết chữ bạn thânChữ bạn thân gồm mấy chữ? nêu độ cao các con chữ? Khoảng cách giữa các chữ? Nêu quy trình viết**-** Hướng dẫn quy trình viết chữ khăn rằn***-*** Yêu cầu HS viết.***-*** Nhận xét.- HD HS viết: *bạn thân, khăn rằn* | - Hs hát- 1 HS đọc- Quan sát tranh, thảo luận đại diện các nhóm trình bày.- HS đọc- HS phân tích.- Giống nhau cả ba vần đều có 2 âm, có âm n đứng sau. Khác nhau âm đứng trước.- HS đánh vần: CN, N, ĐT- HS đọc trơn: CN, N, ĐT- HS cài - nhận xét - đọc ĐT- HS cài - nhận xét - ĐT.- HS cài - đọc ĐT- HS cài - nhận xét- 1 - 2 em nêu- HS phân tích- HS đánh vần: CN, N, ĐT- HS đọc trơn: CN, N, ĐT- HS đọc đánh vần nối tiếp theo dãy, đồng thanh.- HS đọc trơn nối tiếp theo dãy, đồng thanh.- Các tiếng vừa đọc có âm cuối n.- Mỗi HS cài một tiếng có chứa vần mới.- Đọc trơn một số tiếng.- HS quan sát. 1-2 HS trả lời.- HS trả lời*,*- Một dãy đọc - cả lớp đọc.- Đọc nối tiếp mỗi HS một từ, cả lớp đọc đồng thanh.- 1 đến 2 HS đọc - cả lớp đọc đồng thanh.- HS trả lời- Thêm dấu **ă.**- Thêm dấu **ô.**- Viết bảng con an, ăn, ân- Nhận xét bài bạn.- HS quan sát- Viết bảng con- Nhận xét bài bạn.- Viết bảng con |

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở: 9 - 10’**- Cho HS mở vở Tập viết- Y/c hs đọc nội dung bài viết: *an, ăn, ân*, *bạn thân, khăn rằn*- Hướng dẫn cách trình bày: Các em cần quan sát kĩ chữ mẫu, viết theo mẫu. Lưu ý khoảng cách giữa các chữ trong từ. Mỗi dấu chấm là điểm đặt bút viết một chữ.- Quan sát hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng khoảng cách- Nhận xét và sửa lỗi cho HS **6. Đọc: 15-17’**- Giới thiệu tranh và nội dung bài đọc- GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần an, ăn, ân*.*- GV yêu cầu phân tích hoặc đánh vần các tiếng mới.- GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn. - Đọc nối tiếp câu- GV HD đọc đoạn, đọc mẫu cả đoạn- Yêu cầu đọc cả đoạn.+Tìm hiểu nội dung: Đàn gà tha thần ở đâu ? (gần chân mẹ) Vì sao đàn gà không còn sợ lũ quạ dữ (đã có mẹ che chắn, bảo vệ)...- GV và HS thống nhất câu trả lời.**7. Nói theo tranh: 5-7’**- GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS.Có chuyện gì đã xảy ra? Theo em, bạn cần xin lỗi Hà như thế nào?- GV yêu cầu một số (2 - 3) HS trả lời những câu hỏi trên, (Gợi ý: Các bạn đang xếp hàng vào lớp. Một bạn sơ ý giảm vào chân Hà. Bạn ấy cần xin lỗi Hà: Xin lỗi bạn! Mình sơ ý đã giẵm vào chân bạn!, Xin lỗi, mình không cố ý đâu!, Bạn cho mình xin lỗi nhé!.)- GV yêu cầu HS chia nhóm, đóng vai trong tình huống: Khi xếp hàng vào lớp, bạn sơ ý giẵm vào chân Hà. Hà nói: Sao cậu giẫm vào chân mình? Bạn nói lời xin lỗi Hà.- GV và HS nhận xét. - GV có thể nhắc nhở HS nội quy khi xếp hàng: đứng thẳng hàng, không đùa nghịch, không giẫm vào chân nhau.**8. Củng cố: 2-3’**- Hôm nay học bài gì?- GV nhận xét chung giờ học | - Mở vở - 1 hs đọc nội dung bài viết- Nêu tư thế ngồi viết- Quan sát- Cả lớp viết bài- HS quan sát tranh- HS đọc thầm, tìm .- HS đọc - HS đọc- HS đọc- HS thảo luận nhóm đôi, nội dung đoạn vừa đọc- Đại diện nhóm trả lời trước lớp- HS quan sát và thảo luận nhóm đôi bằng câu hỏi gợi ý.- HS chia nhóm, đóng vai- Đại diện một nhóm đóng vai trước cả lớp,- HS trả lời. |

**\*Điều chỉnh sau giờ dạy**